

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 267/BC-SXD ngày 31/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035 như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới: toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Đình Lập và mở rộng địa giới hành chính về phía Đông Nam xã Đình Lập theo tuyến QL4B đi tỉnh Quảng Ninh, ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc thuộc xã Đình Lập (thôn Khe Vuông ranh giới đến mốc km132+530, Quốc lộ 31 đi cửa khẩu phụ Bản Chắt).

- Phía Đông Nam thuộc xã Đình Lập (thôn Khe Mạ, thôn Kéo Khuế đến hết ranh giới xã Đình Lập mốc Km58+730 QL4B đi Quảng Ninh).

- Phía Tây Bắc ranh giới thị trấn cũ (giáp thôn Còn Đuống Km 53+20), Quốc lộ 4B đường đi huyện Lộc Bình).

- Phía Tây Nam thuộc xã Đình Lập (thôn Bình Chương, mốc km127+320 Quốc lộ 31 đường đi huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang).

b) Quy mô quy hoạch:

- Quy mô lập quy hoạch: 1.572,0 ha; toàn bộ diện tích thị trấn 633,789 ha; mở rộng về phía Đông Nam xã Đình Lập 938,211 ha.

- Quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 7.000 người, đến năm 2035 khoảng 10.000 người.

2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lạng Sơn và huyện Đình Lập; khai thác tối đa tiềm năng sẵn có, xây dựng phát triển thị trấn Đình Lập theo hướng bền vững, tạo tiền đề phát triển lên đô thị loại IV.

- Thúc đẩy quá trình đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế ổn định, đáp ứng nhu cầu phát triển mới, hội nhập với sự phát triển chung của toàn huyện.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, lập các đồ án quy hoạch chi tiết và lập các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của thị trấn Đình Lập.

3. Tính chất quy hoạch

- Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ; là đầu mối giao thông cửa ngõ phía Đông Nam tỉnh Lạng Sơn;

- Cơ cấu kinh tế: là thương mại, dịch vụ, du lịch, khoa học công nghệ và nông lâm nghiệp.

- Là đầu mối giao thông quan trọng cửa ngõ phía Đông Nam của tỉnh, có ý nghĩa chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng.

4. Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

4.1. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*)

4.2. Định hướng tổ chức không gian:

- Khu trung tâm hiện tại xung quanh ngã tư nút giao giữa quốc lộ 4B và quốc lộ 31 được xác định là trung tâm hành chính của huyện cần thiết tu bổ, chỉnh trang cải tạo, xen cây hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tổ chức cây xanh đường phố, kết hợp hài hòa với cảnh quan môi trường để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và cảnh quan kiến trúc đô thị, đẩy mạnh công tác quản lý xây dựng thị trấn theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Các khu ở cũ được cải tạo chỉnh trang, xen cây để đạt hiệu quả sử dụng đất và mở rộng quỹ đất ở.

- Hướng phát triển không gian đô thị chủ yếu về phía Đông Nam theo Quốc lộ 4B đi tỉnh Quảng Ninh và một phần về phía Tây Bắc theo tuyến Quốc lộ 4B đi huyện Lộc Bình và khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In.

- Cụm công nghiệp Đình Lập được xác định tại thôn Khe Mạ trong giai đoạn đầu đến năm 2025 và thôn Bình Chương đến năm 2035.

4.3. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng:

a) Cơ cấu sử dụng đất toàn thị trấn Đình Lập (*Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*)

b) Phân khu chức năng:

- Các khu vực kế thừa:

+ Trung tâm hành chính huyện, thị trấn: trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, trụ sở Huyện ủy, trụ sở liên cơ quan, các cơ quan đã được đầu tư xây dựng kiên cố trong khu trung tâm, diện tích khoảng 1,4ha. Trụ sở UBND thị trấn tại khu 7 diện tích khoảng 0,36ha.

+ Hệ thống giáo dục, trường lớp học các cấp, trường dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường nội trú tôn trọng hiện trạng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, mở rộng quỹ đất, nâng tầng đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai, diện tích khoảng 4,62ha;

+ Trung tâm y tế, bệnh viện huyện tôn trọng địa điểm hiện trạng, cải tạo nâng cấp, nâng tầng đảm bảo quy mô giường bệnh đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân thị trấn và các khu vực lân cận, diện tích 1,45ha.

+ Trung tâm dịch vụ thương mại, chợ truyền thống tại khu 1 cần cải tạo nâng cấp, giảm mật độ xây dựng, mở rộng giao thông nội bộ đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, cải tạo, nâng cấp nâng tầng khu dịch vụ thương mại khu ngã tư trung tâm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho nhân dân thị trấn, tạo điểm nhấn kiến trúc khu vực, diện tích 0,61ha.

+ Công trình công cộng: xây dựng hoàn thiện khuôn viên cây xanh Đình Háng Sláp, cải tạo nâng cấp và xây dựng mới nhà văn hóa các khu dân cư trên địa bàn thị trấn Đình Lập và các thôn dân cư nằm trong giới hạn quy hoạch.

+ Kế thừa, cập nhật các dự án: khu đô thị phía Đông thị trấn Đình Lập, khu dân cư khu 6, trung tâm văn hóa thể thao và dân cư, các khu vực đã được quy hoạch.

+ Các khu ở, khu dân cư hiện hữu, thuộc các khu dân cư thị trấn cải tạo, xen cây, mở rộng giao thông nội bộ đảm bảo thuận tiện tới các khu chức năng thị trấn.

+ Hạ tầng kỹ thuật: kế thừa hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã được xây dựng, cập nhật hướng tuyến đường tránh quốc lộ 31 qua thị trấn.

- Các công trình điều chỉnh và xây dựng mới:

+ Điều chỉnh trung tâm văn hóa thể thao hiện trạng tại khu 5 sang khu 7, khu 8 thị trấn Đình Lập, diện tích 2,04ha.

+ Điều chỉnh một số cơ quan khu trung tâm ra khu Nà Vắt, giáp phía Đông Nam địa điểm mới Công an huyện, diện tích 2,24 ha.

+ Điều chỉnh quy mô và hướng tuyến đường tránh Quốc lộ 4B từ Km52 đi theo hướng Tây Bắc, nhập với đường tránh Quốc lộ 31 tại dốc Phai Lý, đi men sườn đồi phía Đông Nam nhập với Quốc lộ 4B tại Km 58+328, đường tránh Quốc lộ 4B hiện trạng (đường 31/10) trở thành đường nội thị.

+ Điều chỉnh Bộ Chỉ huy Quân sự huyện về thôn Bình Chương, địa điểm hiện trạng sử dụng vào mục đích quốc phòng.

+ Điều chỉnh khu cơ quan Công an huyện về khu Nà Vắt, địa điểm hiện trạng bố trí khu chức năng thuộc công an huyện.

+ Các khu ở mới bố trí tại trung tâm văn hóa thể thao, khu đô thị phía Đông thị trấn Đình Lập, khu đô thị Phạt Chỉ, bố trí nhà ở xã hội, nhà ở công nhân cho Cụm công nghiệp Đình Lập.

+ Giáo dục: bố trí thêm phân trường tiểu học, trường phổ thông cơ sở, nhà trẻ mẫu giáo phục vụ cho khu dân cư phía Đông Nam thị trấn, diện tích khoảng 2,5ha.

+ Trung tâm dịch vụ thương mại bố trí tại khu 7 thị trấn Đình Lập, chợ phiên khu đô thị phía Đông thị trấn Đình Lập, xung quanh nút giao đường tránh Quốc lộ 31 và đường Hòa Bình, diện tích khoảng 3,40ha.

+ Thành lập các điểm du lịch "*Làng sinh thái, làng trang trại, làng nghề*", tổ chức Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In phía Bắc thị trấn Đình Lập, diện tích trong giới hạn 32,77ha.

+ Hệ thống khuôn viên cây xanh, công viên: ngoài khuôn viên cây xanh Đình Háng Sláp, tổ chức khuôn viên cây xanh trạm Khí tượng, được liên kết với khuôn viên cây xanh suối Đình Lập, diện tích 8,40ha. Công viên cây xanh trung tâm được bố trí tại khu 6 giai đoạn sau.

+ Cụm công nghiệp Đình Lập: dự kiến bố trí 2 địa điểm; địa điểm 1 cho giai đoạn đầu tại thôn Khe Mạ diện tích khoảng 70ha, địa điểm 2 cho giai đoạn sau thuộc thôn Bình Chương diện tích khoảng 70ha.

+ Đất dự trữ phát triển đô thị dự kiến trong khu quy hoạch: gồm các sườn đồi thấp, vườn cây ăn quả, các khu đất nông nghiệp, lâm nghiệp hoang hóa bạc màu trong địa giới hành chính thị trấn.

+ Hạ tầng kỹ thuật khác: nghĩa trang, từng bước hạn chế và không mai táng tại các khu vực đòi xung quanh thị trấn gây mất vệ sinh môi trường, lãng phí đất, tập chung mai táng tại nghĩa trang thị trấn tại khu Phai Lý.

4.4. Thiết kế đô thị:

- Các khu vực chủ đạo cần can thiệp và kiểm soát, phát triển:

+ Khu vực cửa ngõ vào thị trấn chủ yếu theo 2 hướng tuyến Quốc lộ 4B từ tỉnh Quảng Ninh vào thị trấn, tuyến Quốc lộ 31 từ Bắc Giang vào thị trấn Đình Lập, cần được quan tâm kiểm soát và quản lý xây dựng.

+ Khu vực kiến trúc cảnh quan chính và điểm nhấn kiến trúc quan trọng là khu trung tâm hành chính của huyện tại ngã tư trung tâm hiện trạng nút giao giữa đường Yên Lập và đường Phai Lý; trung tâm dịch vụ thương mại ngã tư Phạt Chỉ, nút giao giữa đường Hòa Bình và đường tránh Quốc lộ 31; trung tâm văn hóa thể thao tại khu 7 và khu 8 thị trấn Đình Lập.

+ Không gian các trục phố chính: trục số 1 là đường Yên Lập, đường Hòa Bình; trục số 2 là đường 31/10, đây là trục dịch vụ thương mại, công trình công

cộng được hình thành từ thị trấn cũ được bảo tồn và phát triển và các khu dịch vụ đô thị xây dựng mới.

- Không gian cây xanh cảnh quan chính trong thị trấn là khuôn viên cây xanh trạm Khí tượng, dọc theo suối Đình Lập kết hợp đường dạo hai bên kè suối và hệ thống cây xanh đường phố tạo cho thị trấn một không gian xanh lý tưởng đặc trưng cho một thị trấn.

- Các chỉ tiêu sử dụng đất chính cho thị trấn Đình Lập:

+ Mật độ xây dựng gộp tối đa cho phép của đơn vị ở là 60%.

+ Mật độ xây dựng gộp tối đa cho phép của khu công viên là 5%.

+ Mật độ xây dựng thuận đối với các công trình công cộng, cơ quan ban ngành, công trình giáo dục 40%, công trình cải tạo nâng cấp và xây dựng mới tại khu trung tâm hiện trạng mật độ xây dựng tối đa 60%.

+ Tầng cao trung bình từ 3 ÷ 5 tầng.

+ Tầng cao các công trình dịch vụ công cộng, dịch vụ thương mại, công trình hỗn hợp xây dựng cao tầng tối đa 15 tầng.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 4B đi tỉnh Quảng Ninh qua thị trấn Đình Lập được quy hoạch tuyến tránh qua khu trung tâm thị trấn, có điểm đầu tại Km52, điểm cuối tại Km58+328.

- Quốc lộ 31 từ tỉnh Bắc Giang đi cửa khẩu phụ Bản Chắt qua thị trấn Đình Lập được quy hoạch tuyến tránh qua khu trung tâm thị trấn điểm, có điểm đầu tại Km128+400, điểm cuối tại Km 132+250.

b) Giao thông tỉnh:

- Bên xe thị trấn bố trí phía Nam nút giao giữa đường tránh QL31 và đường Hòa Bình thuộc thôn Phật Chi.

- Các bãi đỗ xe, vịnh đỗ xe được bố trí tại các khu dịch vụ công cộng, dịch vụ thương mại, công trình văn hóa thể thao, bệnh viện, trường học.

c) Giao thông đối nội:

- Đường chính đô thị: đường Yên Lập, đường Hòa Bình, đường 31/10, đường Phai Lý, chỉ giới đường đỏ 24,0m.

- Đường chính khu vực có chỉ giới đường đỏ 20,5m.

- Đường khu vực có chỉ giới đường đỏ 13,5m.

- Bảng thống kê mạng lưới giao thông (*Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo*).

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- San nền: phương án san nền là đắp nền kết hợp với đào đắp cục bộ theo công trình, nhóm công trình và cụm công trình. Hướng dốc nền đảm bảo thoát nước tự chảy $i_d \geq 0,004$, hướng thoát nước ra suối Đình Lập và sông Lục Nam.

- Thoát nước mưa: mạng lưới công thoát nước mưa được bố trí đảm bảo việc tiêu úng, thoát nước nhanh cho thị trấn, phù hợp việc đầu tư theo giai đoạn. Mạng lưới phân tán theo địa hình tự nhiên để giảm kích thước cống, có dạng hình nhánh cây. Kết cấu sử dụng cống tròn bê tông cốt thép, cống hộp bê tông cốt thép, hệ thống nằm dưới lòng đường.

5.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu cấp nước: đợt đầu đến năm 2025 là 1.300 m³/ngđ, dài hạn là 2.000 m³/ngđ.

- Nguồn nước sử dụng nước mặt sông Kỳ Cùng và được xử lý qua nhà máy nước tại khu 2 thị trấn công suất thiết kế 2.400 m³/ngđ. Công suất vận hành hiện tại đạt 1.000m³/ngđ, đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho toàn thị trấn giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế mạng vòng, đường ống dẫn chính từ nhà máy ra có đường kính từ D50 đến D225mm, điểm đầu trên vỉa hè đường 31/10.

- Cấp nước chữa cháy: sử dụng từ nguồn nước sinh hoạt của thị trấn Đình Lập. Hệ thống cấp nước chữa cháy nằm trong phạm vi vùng đường ống cấp nước sinh hoạt, cấp nước tại chỗ, ô tô cứu hỏa lấy nước từ các trụ chữa cháy đặt tại các ngã ba, ngã tư đường phố, các trụ chữa cháy có khoảng cách 120m - 150m.

5.4. Quy hoạch thoát nước bản:

- Giai đoạn đầu đến năm 2025, nước bản được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa, nước bản sinh hoạt từ các khu dân cư, công trình công cộng, trường học được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát ra hệ thống thoát chung. Các khu đô thị, khu dân cư xây dựng mới được xây dựng hệ thống thoát nước riêng.

- Giai đoạn sau đến năm 2035, khu vực trung tâm đông dân cư và công trình dịch vụ công cộng, dịch vụ thương mại sẽ dùng hệ thống thoát nước riêng, bổ sung các tuyến cống bao bê tông cốt thép D300÷D600 và giếng tách nước bản tại các miệng xả nước mưa để thu nước bản sinh hoạt đưa về trạm xử lý tập trung.

- Nước bản sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn loại B theo TCVN 7222-2002 - Tiêu chuẩn nước thải sau trạm xử lý - trước khi xả ra suối Đình Lập.

- Nước bản từ các cụm công nghiệp phải được xử lý qua bể tự hoại, nếu có dầu mỡ phải cho qua bể tách dầu trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn.

5.5. Quy hoạch thu gom chất thải rắn, nghĩa trang.

- Chất thải rắn sinh hoạt tại thị trấn được thu gom tập trung. Chất thải cần được phân loại tại nguồn, phân loại trước khi cho vào thùng chứa rác, chất thải rắn vô cơ được thu gom định kỳ và tận dụng đem đi tái chế, chất thải rắn hữu cơ được thu gom trong ngày và vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn của thị trấn để xử lý. Bố trí các thùng chứa rác tại các khu dân cư, công trình công cộng, dịch vụ thương mại tại các vị trí thuận tiện cho việc thu gom.

- Chất thải rắn công nghiệp tại các nhà máy cần tận dụng những phế thải để tái sử dụng hoặc bán cho các nhà máy khác sử dụng lại nhằm hạ giá thành sản phẩm, các loại phế thải không sử dụng lại được sẽ đưa đến khu xử lý chất thải chung của thị trấn để xử lý, chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải bệnh viện cần được thu gom và xử lý riêng tại khu xử lý chất thải chung của thị trấn.

- Nghĩa trang: các khu nghĩa địa hiện có cần được từng bước đóng cửa, khoanh vùng cây xanh, tiến tới quy tập về khu nghĩa trang tập trung của thị trấn. Trong giai đoạn đầu sử dụng nghĩa trang thị trấn tại khu Phai Lỳ. Giai đoạn sau huyện cần tìm kiếm một khu vực phù hợp để bố trí làm nghĩa trang nhân dân đảm bảo theo các tiêu chí theo quy định.

5.6. Quy hoạch cấp điện:

- Nhu cầu giai đoạn đầu đến năm 2025: 8.227KW, giai đoạn sau đến năm 2035: 10.215KW. Nguồn điện cấp cho thị trấn sử dụng mạng lưới quốc gia thông qua trạm biến áp 110KV Nhị Thanh cách thị trấn Đình Lập khoảng 55km.

- Lưới điện: Cải tạo toàn bộ lưới 35KV theo cấp điện áp chuẩn của ngành điện quy định. Đường dây 35KV trong khu dân cư sử dụng dây bọc cách điện, đường dây ngoài khu dân cư có thể dùng dây trần, đường dây 35KV đi trong khu trung tâm trong điều kiện kinh tế cho phép có thể dùng cáp ngầm.

- Trạm lưới 35/0,4 KV hiện có nâng cấp cải tạo các trạm biến áp hiện trạng đảm bảo cấp điện cho các khu vực cải tạo xen cây, xây dựng thêm các trạm biến áp mới phục vụ cho các khu vực mới, hình thức trạm sử dụng trạm treo các khu vực xa trung tâm, sử dụng trạm xây, hoặc trạm ki ốt trọn bộ tại khu trung tâm, các cửa ngõ.

6. Đánh giá môi trường chiến lược

- Dự báo và đánh giá tác động tới các thành phần môi trường, tác động đến môi trường kinh tế xã hội, văn hóa - lịch sử.

- Đánh giá tổng hợp các tác động tới môi trường của đồ án quy hoạch.

- Giải pháp phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực; các giải pháp công nghệ bảo vệ môi trường; giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường.

- Chương trình quan trắc và giám sát môi trường, mục tiêu quan trắc môi trường và nội dung quan trắc môi trường.

7. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Xây dựng cải tạo khu trung tâm thị trấn cũ, xây dựng vỉa hè chỉnh trang mặt đứng tuyến phố, trồng cây xanh đường phố;

- Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao và dân cư;

- Xây dựng hoàn chỉnh khu dân cư khu 6;

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Đình Lập tại thôn Khe Mạ (vốn doanh nghiệp);

- Xây dựng cải tạo, nâng cấp đường Yên Lập, đường 31/10, đường Hòa Bình, đường Phai Lỳ.

- Quy hoạch chi tiết khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng hồ Khuổi In.

8. Tổng hợp kinh phí xây dựng đợt đầu đến năm 2025: khoảng 641,745 tỷ đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Đình Lập tổ chức công bố công khai nội dung đề án quy hoạch theo quy định để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. UBND huyện Đình Lập lập kế hoạch cụ thể để thực hiện quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đình Lập, Chủ tịch UBND thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT(HVT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh

Phụ lục 1: CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2021 của UBND tỉnh)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng	Quy hoạch	
				2025	2035
I	Dân số (toàn thị trấn)	Người	5.300	7.000	10.000
II	Đất đai				
1	Tổng diện tích tự nhiên	ha	633,789	1.572,0	1.572,0
2	Tổng đất quy hoạch đô thị	ha	1.500	1.500	1.500
2.1	Đất dân dụng (*)	ha	51,25	50÷80	65÷80
	Bình quân	m ² /người	96,7	70-110	50-80
2.2	Đất ngoài dân dụng (**)	ha	24,97	40	50
III	Hạ tầng kỹ thuật				
1	Tỷ lệ đất giao thông	%/đất XD		>18	>20
2	Cấp nước sinh hoạt	L/ng.ng.đ		100	120
3	Cấp điện sinh hoạt	W/người		200	330
4	Thoát nước - VSMT				
4.1	Thoát nước bản	L/ng.ng.đ		100	120
4.2	Rác thải	Kg/ng.ng.		0,9	0,9

Phụ lục 2: QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN KHU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2021 của UBND tỉnh)

TT	Các loại đất	Hiện trạng			Năm 2025			Năm 2035		
		Diện tích (ha)	m2/ng	%	Diện tích (ha)	m2/ng	%	Diện tích (ha)	m2/ng	%
A	Đất xây dựng đô thị (I+II)	76,00		100,0	191,04		100,0	268,79		100,0
I	Đất dân dụng	51,25	96,7	67,4	64,61	92,3	33,8	93,21	93,2	34,7
1	Đất ở (Đất ở đô thị, ở có vườn)	35,80	67,5	47,1	38,50	55,0	20,2	55,00	55,0	20,5
2	Đất công trình công cộng	6,39	12,1	8,4	10,01	14,3	5,2	12,71	12,7	4,7
3	Đất cây xanh TĐTT	1,66	3,1	2,2	8,40	12,0	4,4	13,50	13,5	5,0
4	Đất giao thông	7,40	14,0	9,7	7,70	11,0	4,0	12,00	12,0	4,5
II	Đất ngoài dân dụng	24,75	46,7	32,6	126,43	180,6	66,2	175,58	175,6	65,3
1	Đất công nghiệp - TTCN	2,02	3,8	2,7	75,00	107,1	39,3	116,00	116,0	43,2
2	Đất giao thông đối ngoại (QL31)	10,30	19,4	13,6	5,52	7,9	2,9	14,31	14,3	5,3
3	Đất cơ quan, công trình sự nghiệp	5,49	10,4	7,2	5,38	7,7	2,8	6,14	6,1	2,3
4	Đất đầu mối KT, nghĩa địa	2,60	4,9	3,4	3,20	4,6	1,7	1,80	1,8	0,7
5	Đất an ninh quốc phòng	4,34	8,2	5,7	4,56	6,5	2,4	4,56	4,6	1,7
6	Đất du lịch sinh thái				32,77	46,8	17,2	32,77	32,8	12,2
B	Đất khác	1.496,0		100	1.381,0		100	1.303,2		100
1	Đất dự trữ phát triển đô thị				48,0		3,5	36,0		2,8
2	Đất nông - Lâm nghiệp	1.409,6		94,2	1.259,3		91,2	1.198,7		92,0
3	Đất khác, mặt nước, đất chưa SD	86,4		5,8	73,7		5,3	68,5		5,3
	Tổng cộng (A+B)	1.572,0			1.572,0			1.572,0		
	Dân số	5300 người			7000 người			10000 người		

Phụ lục 3: BẢNG THÔNG KÊ MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày /9/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên đường	Mặt cắt	Chỉ giới đường đỏ	Chiều dài	Chiều rộng(m)			Diện tích(m ²)			Tổng (ha)
					Lòng đường	Hè	Hành lang	Lòng đường	Hè	Hành lang	
1	Giao thông đối ngoại			5.846				87.690	-	52.614	14,03
	Đường tránh quốc lộ 31	1'_1'	24,0	4.004	15,0	-	9,0	60.060	-	36.036	9,61
2	Đường tránh quốc lộ 4B	1'_1'	24,0	1.842	15,0	-	9,0	27.630	-	16.578	4,42
3	Đường chính đô thị			11.199				167.985	100.791		26,88
		1_1	24,0	11.199	15,0	9,0		167.985	100.791		26,88
4	Đường khu vực			10.024				86.865	75.724		16,26
	Đường chính khu vực	2_2	20,5	3.895	10,5	10,0		40.897,5	38.950		7,98
	Đường khu vực	3_3	13,5	6.129	7,5	6,0		45.967,5	36.774		8,27
5	Giao thông tỉnh										0,91
	Bến xe thị trấn										0,91
6	Tổng			27.069				342.540	176.515	52.614	58,08

Phụ lục 4: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày 19 /2021 của UBND tỉnh)
Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục công việc	Nhu cầu vốn	Ghi chú
1	San nền	82.694,0	San cục bộ
2	Giao thông nội bộ	338.008,1	Cải tạo, xây dựng mới
3	Thoát nước mưa	103.107,9	Cải tạo, xây dựng mới
4	Cấp nước sinh hoạt	20.234,3	Cải tạo, xây dựng mới
5	Cấp điện sinh hoạt	39.360,0	Cải tạo, xây dựng mới
6	Chi phí xây dựng trước thuế	583.404,3	
7	Thuế VAT 10%	58.340,4	
	Chi phí xây dựng sau thuế	641.744,7	
	Làm tròn số	641.745,0	